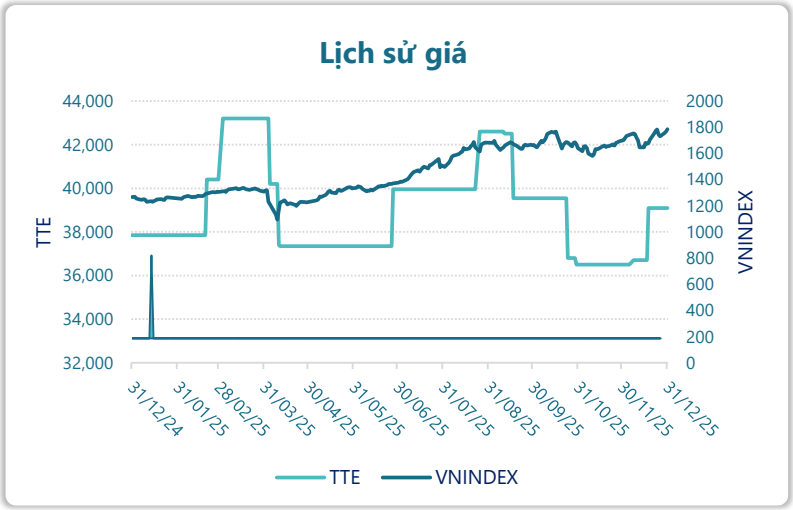
FireAnt

CTCP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (HSX: TTE)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**39,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	43,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	36,500
SL cổ phiếu LH	28,490,400
KLGD BQ 20 phiên (CP)	69,525
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,114
P/E	13.6
EPS	2,866

DT thuần

Q4/25

47.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 16.9| 55.9%

YoY: ▲ 7.10| 17.8%

LN sau thuế

Q4/25

88.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 87.8| 14398%

YoY: ▲ 90.5| 4372%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

98.2%

+/- YoY: ▲ 59.9%

DT thuần

2025

143

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 21.0| 17.1%

LN sau thuế

2025

82.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 101| 540%

ROE

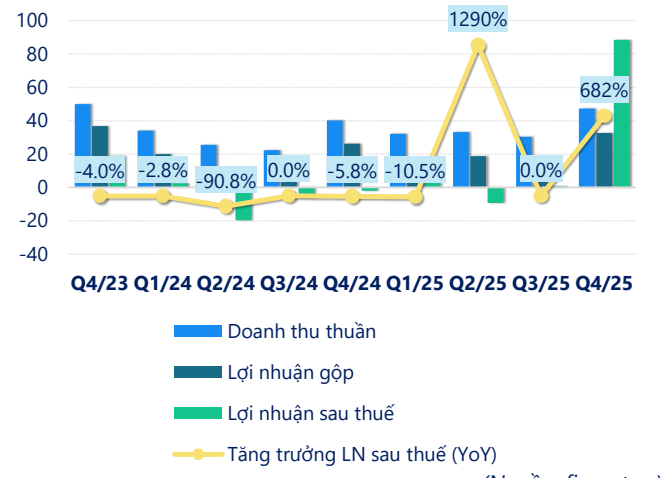
2025

24.3%

+/- YoY: ▲ 30.5%

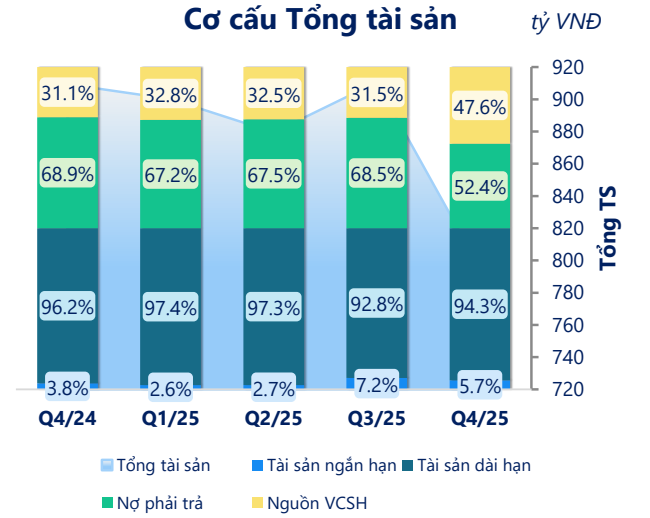
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



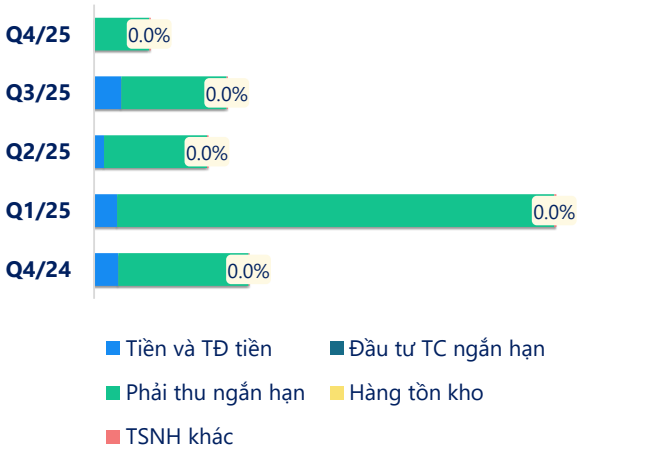
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



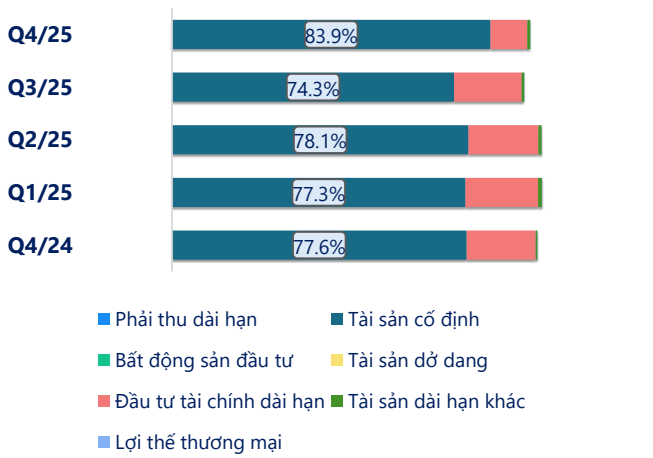
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



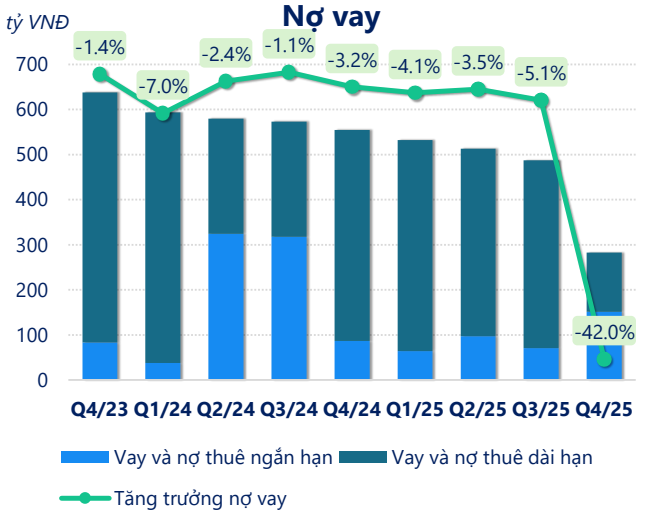
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



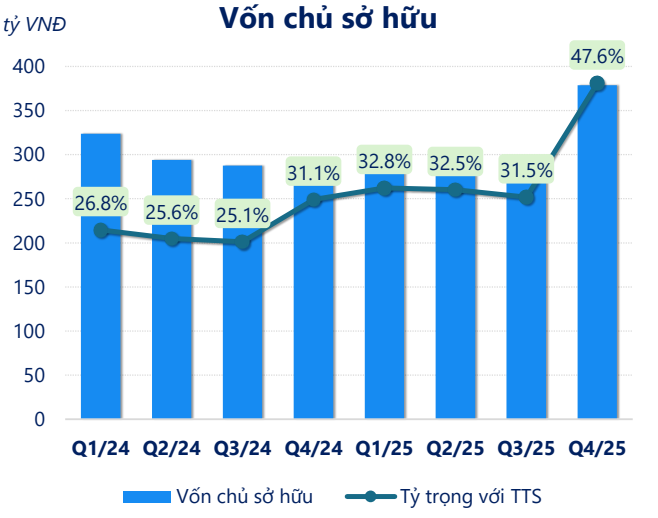
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



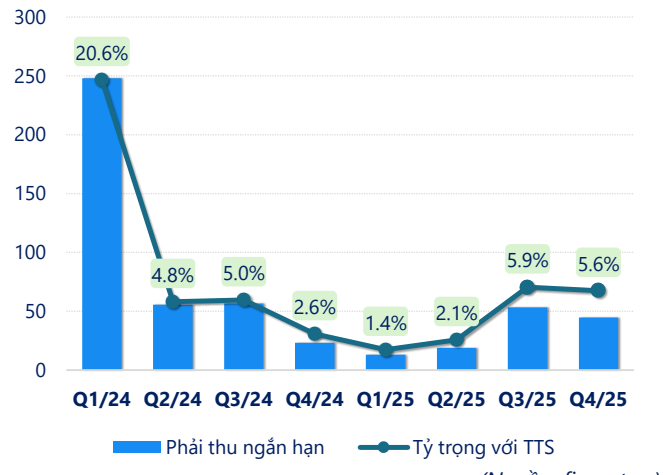
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



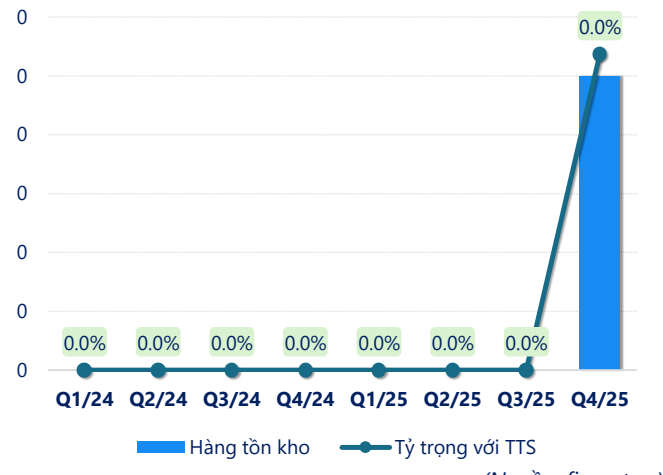
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



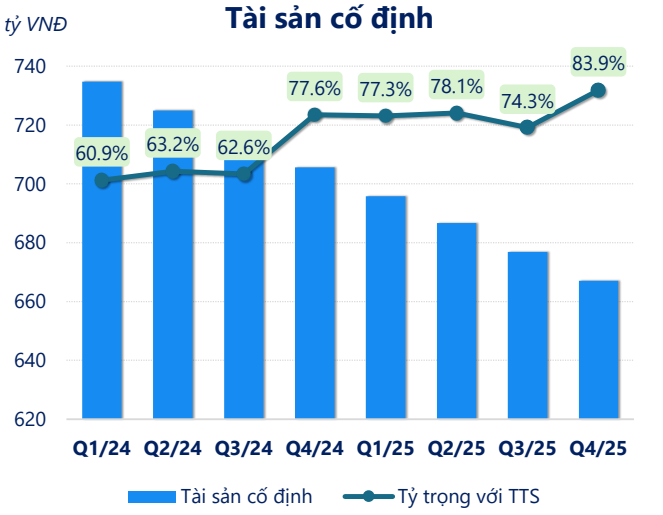
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



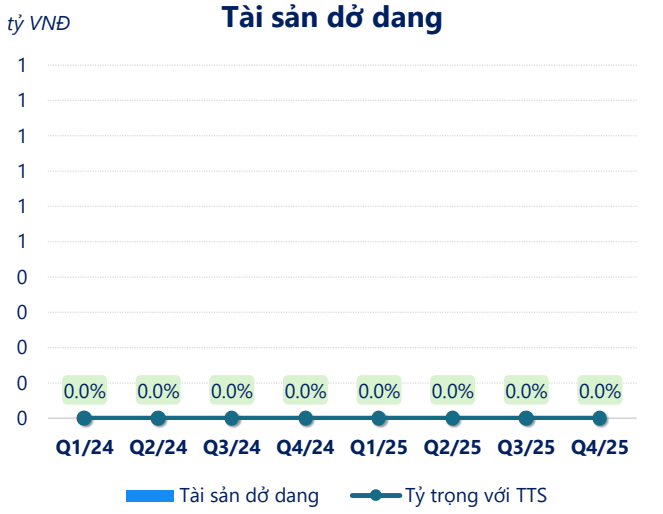
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



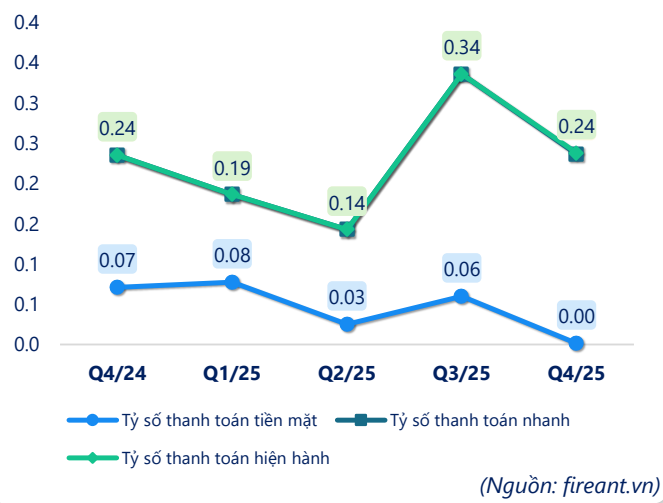
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



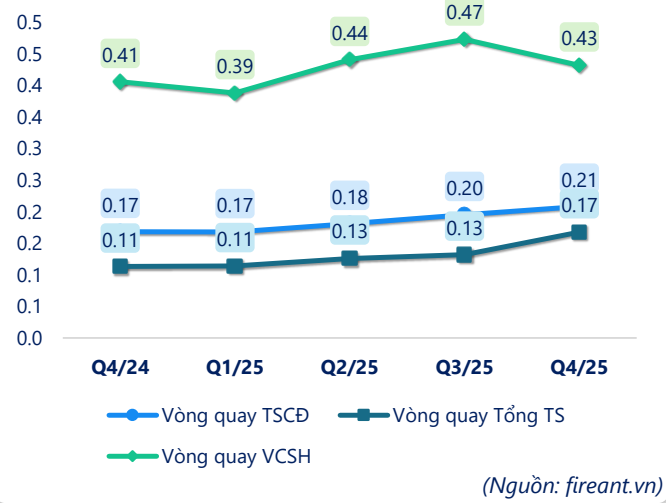
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**909**	**900**	**879**	**911**	**795**
Tài sản ngắn hạn	**34.2**	**23.4**	**23.4**	**65.3**	**45.3**
Tiền và tương đương tiền	10.3	9.72	4.11	11.6	0.27
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	23.3	13.0	18.8	53.4	44.8
Hàng tồn kho	0	0	0	0	0.25
Tài sản ngắn hạn khác	0.64	0.64	0.48	0.28	0
Tài sản dài hạn	**875**	**877**	**856**	**845**	**750**
Phải thu dài hạn	0.05	0.05	0.04	0.04	-0.50
Tài sản cố định	706	696	687	677	667
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	165	172	162	162	77.4
Tài sản dài hạn khác	4.37	9.21	7.33	6.36	6.09
Lợi thế thương mại	0.16	0.13	0.10	0.08	0.05
Nợ phải trả	**626**	**605**	**594**	**624**	**417**
Nợ ngắn hạn	**145**	**126**	**164**	**195**	**190**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	86.4	63.9	96.8	70.7	151
Phải trả người bán ngắn hạn	3.99	4.49	3.88	4.36	3.85
Nợ dài hạn	481	479	430	430	226
Vay và nợ thuê dài hạn	468	468	417	417	132
Nguồn vốn chủ sở hữu	**283**	**295**	**286**	**287**	**379**
Vốn chủ sở hữu	**283**	**295**	**286**	**287**	**379**
Vốn điều lệ	285	285	285	285	285
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)